

Số: 01 /QĐ-LĐTĐBXH

Biên Hòa, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13832/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán tài vụ và các bộ phận chuyên môn trực thuộc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch TP;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu: VT; KTTV.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH



Đặng Thị Phương Hảo

Biểu số 2: Ban hành kèm theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính

Đơn vị: Phòng Lao Động Thương Binh và Xã Hội TP. Biên Hòa

Mã QHNS: 1063812

| STT | Nội dung | Kế hoạch chi năm 2022 |
|------------|--|------------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 175.793.000.000 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 1.936.000.000 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 1.806.000.000 |
| 1.1.1 | Thanh toán cá nhân | 1.026.000.000 |
| | - Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp | 1.026.000.000 |
| 1.1.2 | Kinh phí hoạt động thường xuyên | 780.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 702.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 78.000.000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 130.000.000 |
| 1.2.1 | Kinh phí tranh chấp lao động tập thể (Hỗ trợ an ninh công an Biên Hòa) | 100.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 90.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 10.000.000 |
| 1.2.2 | Kinh phí hòa giải viên lao động cấp tỉnh | 30.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 27.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 3.000.000 |
| 2 | Chi các sự nghiệp | 173.857.000.000 |
| 2.1 | Sự nghiệp giáo dục | 3.952.000.000 |
| | - Miễn giảm HP theo Nghị định số 86/NĐ-CP | 3.952.000.000 |
| 2.2 | Sự nghiệp Đào tạo | 70.000.000 |
| | - Kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn | 63.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 7.000.000 |
| 2.3 | Kinh phí đảm bảo xã hội | 156.463.000.000 |
| | - Trợ cấp thường xuyên cho đối tượng BTXH | 129.396.000.000 |
| | - Trợ cấp tết (BTXH, hộ nghèo,...) | 13.293.000.000 |
| | - Mai táng phí BTXH | 8.640.000.000 |
| | - Quản lý phí, phí trả qua bưu điện | 1.892.000.000 |
| | - Tiền điện hộ nghèo | 432.000.000 |
| | - Chi khác (Trung thu, 1/6, thu gom đối tượng lang thang, trợ cấp đột xuất)... | 2.810.000.000 |
| 2.4 | Sự nghiệp y tế - dân số và gia đình | 13.372.000.000 |
| | - Mua BHYT cho đối tượng | 13.372.000.000 |

Ghi chú :

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 65 triệu x 12 biên chế
- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2022
- Chi hoạt động thường xuyên năm 2022 đã bao gồm chi phí bảo trì phần mềm Quản lý tài sản.